

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá tính lệ phí trước bạ nhà
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1240/TTr-STC ngày 04 tháng 5 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tính lệ phí trước bạ nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Mức thu lệ phí được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị nhà} & & \text{Diện tích nhà} & & \text{Giá 01 (một)} & & \text{Tỷ lệ (\%) chất} \\ \text{tính lệ phí} & & \text{chịu lệ phí} & \times & \text{mét vuông} & \times & \text{lượng còn lại của} \\ \text{trước bạ} & = & \text{trước bạ (m}^2\text{)} & & \text{nha (đồng/m}^2\text{)} & & \text{nha chịu lệ phí} \\ \text{(đồng)} & & & & & & \text{trước bạ} \end{array}$$

a) Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Giá 01 (một) m² nhà là giá thực tế xây dựng “mới” 01 (một) m² sàn nhà của từng cấp nhà, hạng nhà được áp dụng theo Bảng giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm tính lệ phí trước bạ.

c) Tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ quy định cụ thể tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. kê khai lệ phí trước bạ lần đầu:

a) Đối với nhà có thời gian sử dụng dưới 05 (năm) năm áp dụng tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà là 100%.

b) Đối với nhà có thời gian sử dụng từ 05 (năm) năm trở lên áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều này.

4. kê khai lệ phí trước bạ lần thứ 02 trở đi

Thời gian sử dụng	Chất lượng còn lại của nhà cấp I (%)	Chất lượng còn lại của nhà cấp II (%)	Chất lượng còn lại của nhà cấp III (%)	Chất lượng còn lại của nhà cấp IV (%)
- Dưới 05 năm	97	95	90	83
- Từ 05 năm đến dưới 10 năm	91	85	70	50
- Từ 10 năm đến dưới 15 năm	84	75	50	17
- Từ 15 năm đến dưới 20 năm	78	65	30	0
- Từ 20 năm đến dưới 25 năm	72	55	10	0
- Từ 25 năm đến dưới 50 năm	53	25	0	0
- Từ 50 năm trở lên	25	0	0	0

Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì căn cứ theo năm mua nhà hoặc nhận nhà.

5. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2022; thay thế Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc tính lệ phí trước bạ nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Cục trưởng Cục thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT-tuan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang